

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01.01.2024 đến ngày 31.03.2024**



Thành phố Hồ Chí Minh - Tháng 04 năm 2024

## MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/03/2024	3 – 4
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Quý 1 năm 2024	5
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Quý 1 năm 2024	6
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 1 năm 2024	7 – 27

30/01/2024

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.320.965.865.253</b>	<b>1.443.258.436.275</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>119.387.964.031</b>	<b>129.667.196.220</b>
1 . Tiền	111		40.387.964.031	58.567.196.220
2 . Các khoản tương đương tiền	112		79.000.000.000	71.100.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>9.000.000.000</b>
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	120		-	9.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>639.760.128.701</b>	<b>761.052.026.970</b>
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	408.790.638.282	551.855.411.327
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		130.179.963.938	110.479.959.728
5 . Các khoản phải thu khác	136	5.3	102.728.859.783	100.655.989.217
6 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.939.333.302)	(1.939.333.302)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.4	<b>476.026.769.051</b>	<b>456.603.648.316</b>
1 . Hàng tồn kho	141		476.254.705.712	456.831.584.977
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(227.936.661)	(227.936.661)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>85.791.003.470</b>	<b>86.935.564.769</b>
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.532.173.447	10.953.109.367
2 . Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.766.674.787	70.232.476.102
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	7.492.155.236	5.749.979.300
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>428.050.467.898</b>	<b>428.505.512.110</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.258.275.128</b>	<b>27.348.275.128</b>
1 . Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 . Phải thu dài hạn khác	216	5.3	27.258.275.128	27.348.275.128
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.663.575.191</b>	<b>151.379.016.360</b>
1 . TSCĐ hữu hình	221	5.5	133.246.083.698	142.437.689.646
- Nguyên giá	222		736.386.031.605	738.072.805.898
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(603.139.947.907)	(595.635.116.252)
3 . TSCĐ vô hình	227	5.6	8.417.491.493	8.941.326.714
- Nguyên giá	228		42.766.818.863	42.766.818.863
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(34.349.327.370)	(33.825.492.149)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>29.594.270.968</b>	<b>21.376.922.573</b>
2 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.594.270.968	21.376.922.573
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.7	<b>196.716.895.555</b>	<b>196.716.895.555</b>
1 . Đầu tư vào công ty con	251		113.985.268.520	113.985.268.520
2 . Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		96.466.920.657	96.466.920.657
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.256.863.385	32.256.863.385
4 . Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(45.992.157.007)	(45.992.157.007)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>32.817.451.056</b>	<b>31.684.402.494</b>
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261		32.817.451.056	31.684.402.494
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.749.016.333.151</b>	<b>1.871.763.948.385</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.348.485.225.394</b>	<b>1.481.208.427.455</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.292.368.778.390</b>	<b>1.430.989.787.714</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	141.576.318.432	192.212.898.337
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.022.059.035	15.566.830.442
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	4.309.035.085	5.523.453.084
4 . Phải trả người lao động	314		15.832.174.322	73.342.693.014
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315		58.108.651.555	40.384.857.888
6 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.412.679.385	23.964.660.261
7 . Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	20.301.436.401	18.040.097.013
8 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	1.007.472.958.450	1.040.791.631.950
9 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.333.465.725	21.162.665.725
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>56.116.447.004</b>	<b>50.218.639.741</b>
1 . Phải trả người bán dài hạn	331	5.8	-	-
2 . Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3 . Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		26.164.442.751	26.331.974.514
4 . Phải trả dài hạn khác	337	5.10	10.623.277.700	10.623.277.700
5 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	19.328.726.553	13.263.387.527
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>400.531.107.757</b>	<b>390.555.520.930</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.12</b>	<b>400.531.107.757</b>	<b>390.555.520.930</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		191.100.000.000	191.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.a		191.100.000.000	191.100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411.b		-	-
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		43.093.933.885	43.093.933.885
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		166.337.173.872	156.361.587.045
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		156.361.587.045	105.395.675.253
- LNST chưa phân kỳ này	421b		9.975.586.827	50.965.911.792
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.749.016.333.151</b>	<b>1.871.763.948.385</b>

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2024

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyền

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Lâm

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 năm 03 năm 2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ Q.1 kết thúc ngày 31.03.2024	Kỳ Q.1 kết thúc ngày 31.03.2023	Lũy kế	
					Từ ngày 01.01.2024 đến ngày 31.03.2024	Từ ngày 01.01.2023 đến ngày 31.03.2023
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.13	499.592.684.400	533.694.223.175	499.592.684.400	533.694.223.175
2.Các khoản giảm trừ	02		1.393.301.222	2.603.843.585	1.393.301.222	2.603.843.585
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		498.199.383.178	531.090.379.590	498.199.383.178	531.090.379.590
4.Giá vốn hàng bán	11	5.14	403.617.712.059	436.139.421.393	403.617.712.059	436.139.421.393
5.Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		94.581.671.119	94.950.958.197	94.581.671.119	94.950.958.197
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.15	10.181.390.711	11.723.207.035	10.181.390.711	11.723.207.035
7.Chi phí tài chính	22	5.16	12.937.765.966	14.807.234.158	12.937.765.966	14.807.234.158
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.679.714.345	12.376.447.455	10.679.714.345	12.376.447.455
8.Chi phí bán hàng	24	5.17	40.149.364.474	36.833.581.644	40.149.364.474	36.833.581.644
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	42.597.991.734	42.115.941.832	42.597.991.734	42.115.941.832
10.Lợi tức thuần từ HĐKD [30= 20 + (21-22) -(24+25)]	30		9.077.939.656	12.917.407.598	9.077.939.656	12.917.407.598
11.Thu nhập khác	31		3.122.680.345	2.030.171.404	3.122.680.345	2.030.171.404
12.Chi phí khác	32		37.427.293	9.764.736	37.427.293	9.764.736
13. Lợi nhuận khác	40	5.19	3.085.253.052	2.020.406.668	3.085.253.052	2.020.406.668
14.Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		12.163.192.708	14.937.814.266	12.163.192.708	14.937.814.266
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	2.187.605.881	3.110.700.698	2.187.605.881	3.110.700.698
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		9.975.586.827	11.827.113.568	9.975.586.827	11.827.113.568

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2023

Người lập

Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng

Đặng Minh Tuyên

Tổng giám đốc



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Mẫu B 03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Lũy kế	
			Từ ngày 01.01.2024 đến ngày 31.03.2024	Từ ngày 01.01.2023 đến ngày 31.03.2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.163.192.708	14.937.814.266
2. Điều chỉnh các khoản			16.784.562.951	18.994.818.683
- Khấu hao tài sản cố định	02		9.099.340.874	8.682.197.012
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.994.492.268)	(2.063.825.784)
- Chi phí lãi vay	06		10.679.714.345	12.376.447.455
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		28.947.755.659	33.932.632.949
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		123.105.523.648	127.781.290.714
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.423.120.735)	46.128.588.541
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(93.835.456.625)	(93.666.972.258)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.712.112.642)	(5.156.088.348)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.679.714.345)	(12.376.447.455)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.927.477.817)	(8.811.393.815)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.829.200.000)	(3.769.900.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>18.646.197.143</i>	<i>84.061.710.328</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.356.189.595)	(13.575.592.501)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		799.604.370	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.000.000.000	8.400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.550.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.949.829.393	2.063.825.784
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>4.393.244.168</i>	<i>(5.661.766.717)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		495.420.549.845	454.317.295.256
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(528.739.223.345)	(503.904.329.221)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35		-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(33.318.673.500)</i>	<i>(49.587.033.965)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		<i>(10.279.232.189)</i>	<i>28.812.909.646</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		129.667.196.220	129.667.196.220
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5.1	<b>119.387.964.031</b>	<b>158.480.105.866</b>

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2024

Người lập

Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng

Đặng Minh Tuyên

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

# TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Mẫu B 09a-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 ngày 24 tháng 3 năm 2005 do Sở kế hoạch và đầu tư Tp. HCM cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 24 ngày 04 tháng 01 năm 2023.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company, tên viết tắt là: NHABECO.

Vốn điều lệ là: 191.100.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	5.040.000	50.400.000.000	26,37%
Các cổ đông khác	14.070.000	140.700.000.000	73,63%
<b>Tổng</b>	<b>19.110.000</b>	<b>191.100.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lao động tại ngày 31/03/2024: 3.090 người.

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm thêu;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;

...

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/03/2024, Tổng Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>
Công ty CP May Bình Định	51,84%	51,84%
Công ty CP May Đà Lạt	55,00%	55,00%
Công ty CP May Gia Lai	51,00%	51,00%
Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%
Công ty CP May Bình Thuận	51,00%	51,00%
Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,69%	55,69%
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>		
Công ty cổ phần May 9	26,78%	26,78%
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28,58%	28,58%
Công ty cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%
Công ty CP tư vấn CN Nhà Bè	30,00%	30,00%
Công ty CP XLCN Nhà Bè	29,99%	29,99%
Công ty CP Du Lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%
Công ty CP May An Nhơn	45,90%	45,90%
Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%
Công ty CP May Gia Phúc	47,50%	47,50%
Công ty CP May Đức Linh	46,15%	46,15%

**Các đơn vị phụ thuộc**

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội

Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần – Chi nhánh UK

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.



## **2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ Kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024.

### **Hình thức kế toán áp dụng**

Tổng Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chứng từ.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

#### **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

#### **Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại tại ngày 31/03/2024.

(ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại tại ngày 31/03/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền:

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào Công ty con: Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các Công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

#### **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

##### **Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

##### **a. Nguyên tắc kế toán**

###### **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

###### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, quyền phát hành, công thức pha chế,... và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 (Số năm)
4	
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 – 07

Tài sản cố định vô hình

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 (Số năm)
Quyền sử dụng đất	50
Nhãn hiệu hàng hóa	10
Bản quyền, bằng sáng chế	10
Công thức pha chế, thiết kế,...	10

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

Chi phí khuyến mãi, chiết khấu,...

Chi phí nguyên vật liệu: vải chính,...

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

86  
GT  
BÈ  
TY  
ÁN  
CH

- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

##### **Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế



thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

##### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

##### **Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả các Công ty con Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền****Tiền**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.050.104.825	8.488.466.416
Tiền gửi ngân hàng	34.337.859.206	50.078.576.650
Các khoản tương đương tiền	79.000.000.000	76.100.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng</i>	<i>79.000.000.000</i>	<i>76.100.000.000</i>
<b>Tổng</b>	<b><u>119.387.964.031</u></b>	<b><u>134.667.043.066</u></b>

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>408.790.638.282</b>	<b>551.855.411.327</b>
H&M Hennes & Mauritz	-	1.053.269.801
Motives International (Hong Kong) Ltd.	11.055.667.422	58.334.961.836
BMB Clothing Group	36.455.137.628	31.669.081.456
JP Global Import INC	9.774.185.752	942.103.271
Punto FA, S.L.	93.860.046.950	100.562.896.195
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Nam - Vinatex	530.309.925	481.357.195
Công ty CP May Đức Linh	32.751.585.276	32.751.585.276
Phải thu các đối tượng khác	224.363.705.329	326.060.156.297
<b>Tổng</b>	<b><u>408.790.638.282</u></b>	<b><u>551.855.411.327</u></b>

**5.3 Phải thu khác**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>102.728.859.783</b>	<b>100.655.989.217</b>
Phải thu BHXH	1.860.755.727	2.108.715.618
Phải thu các công ty con, LDLK	73.297.042.730	69.030.437.571
Phải thu tạm ứng	8.898.215.039	7.882.216.472
Phải thu CBCNV	1.206.948.161	1.544.723.458
Ứng tiền đầu tư dự án Đức Linh 2	1.519.993.027	1.519.993.027
Ký quỹ, ký cược	547.196.150	181.476.000
Phải thu khác	15.398.708.949	18.388.427.071
<b>Dài hạn</b>	<b>27.258.275.128</b>	<b>27.348.275.128</b>
Phải thu các công ty con, LDLK	25.530.555.553	25.530.555.553
Công Ty CP May Phù Cát	1.727.719.575	1.817.719.575
Đặt cọc tiền mặt bằng	1.727.719.575	1.817.719.575
<b>Tổng</b>	<b><u>129.987.134.911</u></b>	<b><u>128.004.264.345</u></b>



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.4 Hàng tồn kho**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	117.851.225	679.737.662
Nguyên liệu, vật liệu	107.823.689.270	114.588.212.734
Công cụ, dụng cụ	7.415.340.125	6.168.549.080
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	247.232.357.467	200.889.693.340
Thành phẩm	75.708.132.674	91.816.740.758
Hàng hoá	4.165.370.664	2.952.199.732
Hàng gửi đi bán	33.791.964.287	39.736.451.671
<b>Tổng</b>	<b>476.254.705.712</b>	<b>456.831.584.977</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(227.936.661)	(227.936.661)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>476.026.769.051</b>	<b>456.603.648.316</b>

031  
TỔ  
NI  
C  
C  
17-7

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.5 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	<i>Đơn vị tính: VND</i> Tổng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	250.621.079.725	384.714.472.654	98.104.475.416	4.632.778.103	738.072.805.898
Tăng trong kỳ	-	138.841.200	-	-	138.841.200
Mua trong kỳ	-	138.841.200	-	-	138.841.200
Giảm trong kỳ	-	1.825.615.493	-	-	1.825.615.493
Thanh lý, nhượng bán	-	1.825.615.493	-	-	1.825.615.493
Số dư tại 31/03/2024	250.621.079.725	383.027.698.361	98.104.475.416	4.632.778.103	736.386.031.605
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	189.820.845.825	319.044.508.582	82.645.877.153	4.123.884.692	595.635.116.252
Tăng trong kỳ	1.649.078.433	6.188.537.521	668.076.285	69.813.414	8.575.505.653
Khấu hao trong kỳ	1.649.078.433	6.188.537.521	668.076.285	69.813.414	8.575.505.653
Giảm trong kỳ	-	1.070.673.998	-	-	1.070.673.998
Thanh lý, nhượng bán	-	1.070.673.998	-	-	1.070.673.998
Số dư tại 31/03/2024	191.469.924.258	324.162.372.105	83.313.953.438	4.193.698.106	603.139.947.907
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	60.800.233.900	65.669.964.072	15.458.598.263	508.893.411	142.437.689.646
Tại 31/03/2024	59.151.155.467	58.865.326.256	14.790.521.978	439.079.997	133.246.083.698

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.6 Tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Tổng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2024	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	4.661.237.086	5.838.965.451	23.325.289.612	33.825.492.149
Tăng trong năm	97.062.334	-	426.772.887	523.835.221
Khấu hao trong năm	97.062.334	-	426.772.887	523.835.221
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2024	4.758.299.420	5.838.965.451	23.752.062.499	34.349.327.370
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Số dư tại 01/01/2024	5.788.031.821	-	3.153.294.893	8.941.326.714
Số dư tại 31/03/2024	5.690.969.487	-	2.726.522.006	8.417.491.493

**TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.7 Đầu tư tài chính dài hạn**

Tên công ty	Tỷ lệ		Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>113.985.268.520</b>	<b>(15.300.000.000)</b>	<b>113.985.268.520</b>	<b>(15.300.000.000)</b>
Công ty CP Máy Bình Định	51,84%	51,84%	11.535.620.000	-	11.535.620.000	-
Công ty CP Máy Đà Lạt	55,00%	55,00%	5.817.648.520	-	5.817.648.520	-
Công ty CP Máy Gia Lai	51,00%	51,00%	10.200.000.000	-	10.200.000.000	-
Công ty CP Máy Tam Quan	51,00%	51,00%	17.850.000.000	-	17.850.000.000	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	15.300.000.000	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(15.300.000.000)
Công ty CP Máy Bình Thuận	51,00%	51,00%	25.500.000.000	-	25.500.000.000	-
Công ty CP Máy Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	27.782.000.000	-	27.782.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>96.466.920.657</b>	<b>(30.556.694.277)</b>	<b>96.466.920.657</b>	<b>(30.556.694.277)</b>
Công ty cổ phần Máy 9	26,78%	26,78%	5.227.920.657	(939.094.885)	5.227.920.657	(939.094.885)
Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển DV-TM NB	28,58%	28,58%	3.429.000.000	-	3.429.000.000	-
Công ty Cổ Phần Máy Sông Tiên	43,89%	43,89%	15.360.000.000	-	15.360.000.000	-
Công ty CP Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Công ty CP Công Nghệ Và Thiết Bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty CP Du Lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%	14.900.000.000	(4.997.599.392)	14.900.000.000	(4.997.599.392)
Công ty CP Máy An Nhơn	45,90%	45,90%	9.180.000.000	-	9.180.000.000	-
Công ty CP Máy Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	15.120.000.000	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(15.120.000.000)
Công ty CP Máy Gia Phúc	47,50%	47,50%	9.500.000.000	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(9.500.000.000)
Công ty CP Máy Đức Linh	26,54%	26,54%	17.250.000.000	-	17.250.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.7 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Tên công ty	Tỷ lệ		Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá hợp lý	Giá gốc	Giá hợp lý
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>55,79%</b>	<b>55,79%</b>	<b>32.256.863.385</b>	<b>(135.462.730)</b>	<b>32.256.863.385</b>	<b>(135.462.730)</b>
Công ty CP ĐT&PT Bình Thăng	18,02%	18,02%	5.802.843.385	-	5.802.843.385	-
Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%	7.161.920.000	(135.462.730)	7.161.920.000	(135.462.730)
Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%	3.480.000.000	-	3.480.000.000	-
Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%	4.225.000.000	-	4.225.000.000	-
Công ty CP Thương Mại Nhà Bè	6,67%	6,67%	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công Ty CP Thương Mại Bán Lê Nhà Bè	15,00%	15,00%	5.250.000.000	-	5.250.000.000	-
Tổng Công ty Việt Thăng - CTCP	2,61%	2,61%	5.337.100.000	-	5.337.100.000	-
<b>Tổng</b>	<b>55,79%</b>	<b>55,79%</b>	<b>242.709.052.562</b>	<b>(45.992.157.007)</b>	<b>242.709.052.562</b>	<b>(45.992.157.007)</b>

**5.8 Phải trả người bán**

Ngắn hạn	31/03/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>141.576.318.432</b>	<b>141.576.318.432</b>	<b>192.212.898.337</b>	<b>192.212.898.337</b>
Công ty CP May Tam Quan	13.183.197.215	13.183.197.215	20.148.418.233	20.148.418.233
Công ty CP May Gia Lai	13.416.355.894	13.416.355.894	9.029.407.048	9.029.407.048
Motives International (Hong Kong) Ltd.	3.199.710.965	3.199.710.965	6.998.430.057	6.998.430.057
Kufner Hong Kong LTD.	685.713.044	685.713.044	800.626.306	800.626.306
Công ty CP May Bình Thuận Nhà Bè	6.718.801.914	6.718.801.914	8.804.289.268	8.804.289.268
Phải trả các nhà cung cấp khác	104.372.539.400	104.372.539.400	146.431.727.425	146.431.727.425
<b>Tổng</b>	<b>141.576.318.432</b>	<b>141.576.318.432</b>	<b>192.212.898.337</b>	<b>192.212.898.337</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09A-DN

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	31/03/2024
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.677.787.373	3.126.384.028	4.292.593.762	2.511.577.639
Thuế thu nhập cá nhân	929.729.236	2.378.004.513	1.686.314.204	1.621.419.545
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	302.020.320	-	302.020.320	-
Thuế môn bài	-	24.000.000	24.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	613.916.155	738.513.444	1.176.391.698	176.037.901
<b>Tổng</b>	<b>5.523.453.084</b>	<b>6.266.901.985</b>	<b>7.481.319.984</b>	<b>4.309.035.085</b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế XNK	1.720.079.605	267.231.099	269.535.099	1.722.383.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.870.504.039	2.187.605.881	3.927.477.817	5.610.375.975
Thuế thu nhập cá nhân	159.395.656	-	-	159.395.656
<b>Tổng</b>	<b>5.749.979.300</b>	<b>2.454.836.980</b>	<b>4.197.012.916</b>	<b>7.492.155.236</b>

**5.10 Phải trả khác**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>20.301.436.401</b>	<b>18.040.097.013</b>
Kinh phí công đoàn	2.139.395.285	2.733.133.740
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	6.184.718.692	2.528.246.030
Phải trả Công ty CP May Bình Thuận	603.693.296	626.228.685
Phải trả khác	11.373.629.128	12.152.488.558
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.623.277.700</b>	<b>10.623.277.700</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.623.277.700	10.623.277.700
<b>Tổng</b>	<b>30.924.714.101</b>	<b>28.663.374.713</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2024		01/01/2024			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.007.472.958.450</b>	<b>1.007.472.958.450</b>	<b>489.355.210.819</b>	<b>522.673.884.319</b>	<b>1.040.791.631.950</b>	<b>1.040.791.631.950</b>
NH Á Châu (ACB)	92.497.914.835	92.497.914.835	57.660.411.211	13.736.250.000	48.573.753.624	48.573.753.624
NH Công Thương VN - CN4	187.789.271.858	187.789.271.858	85.526.371.692	231.902.259.929	334.165.160.095	334.165.160.095
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	21.335.803.566	21.335.803.566	-	216.943.559.623	238.279.363.189	238.279.363.189
NH Ngoại Thương VN (VCB)-VND	245.624.364.863	245.624.364.863	136.343.627.951	-	109.280.736.912	109.280.736.912
NH TMCP Đông Nam Á - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	-	3.281.167.171	3.281.167.171	3.281.167.171
NH TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao Dịch 2	197.796.081.356	197.796.081.356	54.634.165.420	54.919.807.596	198.081.723.532	198.081.723.532
NH Công Thương VN - CN4 - VND	258.103.106.772	258.103.106.772	155.190.634.545	-	102.912.472.227	102.912.472.227
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>4.326.415.200</b>	<b>4.326.415.200</b>	<b>-</b>	<b>1.890.840.000</b>	<b>6.217.255.200</b>	<b>6.217.255.200</b>
NH TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Nguyễn Trãi	1.008.000.000	1.008.000.000	-	336.000.000	1.344.000.000	1.344.000.000
NH Ngoại Thương VN (VCB)-USD	3.318.415.200	3.318.415.200	-	1.554.840.000	4.873.255.200	4.873.255.200
<b>Vay dài hạn</b>	<b>19.328.726.553</b>	<b>19.328.726.553</b>	<b>6.065.339.026</b>	<b>-</b>	<b>13.263.387.527</b>	<b>13.263.387.527</b>
Ngân hàng Công Thương VN CN4-VND	18.016.726.553	18.016.726.553	6.065.339.026	-	11.951.387.527	11.951.387.527
NH TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Nguyễn Trãi	1.312.000.000	1.312.000.000	-	-	1.312.000.000	1.312.000.000
<b>CỘNG</b>	<b>1.026.801.685.003</b>	<b>1.026.801.685.003</b>	<b>495.420.549.845</b>	<b>522.673.884.319</b>	<b>1.054.055.019.477</b>	<b>1.054.055.019.477</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
 Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng (VND)</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	191.100.000.000	39.069.510.820	146.633.992.552	376.803.503.372
<b>Tăng trong năm</b>	-	4.024.423.065	50.965.911.792	54.990.334.857
Lãi trong kỳ	-	-	50.965.911.792	50.965.911.792
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	4.024.423.065	-	4.024.423.065
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	41.238.317.299	41.238.317.299
Trích lập các quỹ	-	-	3.018.317.299	3.018.317.299
Chia trả cổ tức 2022	-	-	38.220.000.000	38.220.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	9.975.586.827	9.975.586.827
Lãi trong kỳ	-	-	9.975.586.827	9.975.586.827
<b>Số dư tại 31/03/2024</b>	191.100.000.000	43.093.933.885	166.337.173.872	400.531.107.757



**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Bảo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/03/2024</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2024</u>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	26,37%	50.400.000.000	26,37%	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	25,53%	48.787.060.000	25,53%	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	8,82%	16.847.200.000	8,82%	16.847.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,43%	14.200.000.000	7,43%	14.200.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	31,85%	60.865.740.000	31,85%	60.865.740.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>191.100.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>191.100.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Quý 1 năm 2024</u>	<u>Quý 1 năm 2023</u>
Vốn góp tại đầu năm	191.100.000.000	191.100.000.000
Vốn góp tại cuối kỳ	<b>191.100.000.000</b>	<b>191.100.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.110.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	19.110.000	19.110.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**e. Các quỹ doanh nghiệp**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quỹ đầu tư phát triển	43.093.933.885	43.093.933.885
<b>Tổng</b>	<b>43.093.933.885</b>	<b>43.093.933.885</b>

**5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023</u>
	<u>đến 31/03/2024</u>	<u>đến 31/03/2023</u>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>499.592.684.400</b>	<b>533.694.223.175</b>
Doanh thu bán hàng	492.368.673.457	527.256.793.310
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.224.010.943	6.437.429.865
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.393.301.222</b>	<b>2.603.843.585</b>
Giảm giá hàng bán	830.277.378	896.753.244
Hàng bán trả lại	563.023.844	1.707.090.341
<b>Tổng</b>	<b>498.199.383.178</b>	<b>531.090.379.590</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.14 Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
Giá vốn hàng bán	401.811.709.323	434.656.207.487
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.806.002.736	1.483.213.906
<b>Tổng</b>	<b>403.617.712.059</b>	<b>436.139.421.393</b>

**5.15 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	421.231.640	1.191.377.842
Lãi cho vay	692.597.753	872.447.942
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.836.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.231.561.318	9.659.381.251
<b>Tổng</b>	<b>10.181.390.711</b>	<b>11.723.207.035</b>

**5.16 Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
Lãi tiền vay	10.679.714.345	12.376.447.455
Chiết khấu thanh toán	163.858.862	152.697.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.094.192.759	2.278.088.757
<b>Tổng</b>	<b>12.937.765.966</b>	<b>14.807.234.158</b>

**5.17 Chi phí bán hàng**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
Chi phí nhân viên	7.713.197.267	8.466.969.165
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.052.451.013	729.405.636
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	74.332.485	70.650.464
Chi phí khấu hao TSCĐ	652.187.991	749.312.190
Thuế, phí, lệ phí	29.501.390	14.676.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.360.378.134	25.055.845.633
Chi phí bằng tiền khác	2.267.316.194	1.746.721.752
<b>Tổng</b>	<b>40.149.364.474</b>	<b>36.833.581.644</b>

**5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
Chi phí nhân viên quản lý	25.848.268.995	28.646.355.853
Chi phí vật liệu quản lý	1.954.656.000	1.457.313.691
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	607.259.837	263.954.758
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.393.590.011	3.377.639.327
Thuế phí và lệ phí	58.483.938	600.069.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.605.199.737	5.124.211.339
Chi phí bằng tiền khác	3.130.533.216	2.646.397.694
<b>Tổng</b>	<b>42.597.991.734</b>	<b>42.115.941.832</b>

**TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN

**5.19 Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản cố định	22.950.578	-
Thu nhập do xử lý công nợ	-	4.358
Thu nhập khác	3.099.729.767	2.030.167.046
<b>Tổng</b>	<b>3.122.680.345</b>	<b>2.030.171.404</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Phạt vi phạm hành chính	31.330.339	-
Chi phí khác	6.096.954	-
<b>Tổng</b>	<b>37.427.293</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>3.085.253.052</b>	<b>2.030.171.404</b>

**5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</u>	<u>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</u>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.163.192.708</b>	<b>14.937.814.266</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>610.836.695</b>	<b>615.689.223</b>
- Các khoản chi phí không chứng từ	453.974.188	481.673.160
- Các khoản phạt	31.330.339	8.483.895
- Chi phí khấu hao vượt mức quy định	125.532.168	125.532.168
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>1.836.000.000</b>	<b>-</b>
- Cổ tức	1.836.000.000	-
- Lãi chênh lệch TG chưa thực hiện	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>10.938.029.403</b>	<b>15.553.503.489</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành trong năm	2.187.605.881	3.110.700.698
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>2.187.605.881</b>	<b>3.110.700.698</b>

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2024

Người lập



Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng



Đặng Minh Tuyên

Tổng giám đốc

